

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2021/HNGĐ-ST

Ngày 25/02/2021

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Phụng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tư

Ông Huỳnh Văn Thanh

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Đăng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 25 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 592/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/12/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 13/2021/QĐST-HNGĐ ngày 14/01/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị Cẩm N**, sinh năm 1989 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh T.

Bị đơn: Anh **Chế Hữu T**, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27/11/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Cẩm N trình bày: Chị và anh Chế Hữu T tổ chức đám cưới năm 2006, có đăng ký kết hôn số 46, quyển số 1/2009 ngày 18/8/2009, tại Ủy ban nhân dân xã Hiệp Đức, huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang, anh chị chung sống đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn, do không hợp nhau về lối sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên năm 2015 chị có nộp đơn xin ly hôn với anh T nhưng rút đơn vì anh T hứa sẽ thay đổi. Sau khi rút đơn thì mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, tình cảm vợ chồng không còn, không hàn gắn được nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Con chung: Có 01 cháu tên Chế Ngọc M, sinh ngày 09/9/2008, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Chế Hữu T đã được tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp và thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao

nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa anh T vắng mặt không có lý do cũng không có ý kiến bằng văn bản về Chị N xin ly hôn với anh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị N yêu cầu ly hôn với anh T nên đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp ly hôn” theo qui định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Do bị đơn có hộ khẩu thường trú tại huyện Cai Lậy, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Chị N có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt Chị N và anh T.

[2] Về nội dung vụ án: Chị N và anh T được gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2006, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 46, quyển số 1/2009 ngày 18/8/2009, tại Ủy ban nhân dân xã Hiệp Đức, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên là hôn nhân hợp pháp. Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, Chị N xác định chị và anh T sống chung với nhau từ năm 2006 đến năm 2008 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, do không hợp nhau về lối sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Vào năm 2015 chị có nộp đơn xin ly hôn với anh T nhưng rút lại với lý do anh T hứa sẽ thay đổi, nhưng sau khi rút đơn thì mâu thuẫn giữa hai vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, tình cảm không còn, không thể hàn gắn, đoàn tụ được nữa nên chị yêu cầu được ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa Chị N và anh T ngày càng trầm trọng, kéo dài mà không có biện pháp hàn gắn, đoàn tụ. Trong quá trình giải quyết vụ án Chị N cương quyết ly hôn còn anh T không có mặt để trình bày ý kiến về việc Chị N xin ly hôn với anh, điều này chứng tỏ anh chị không còn quan tâm, chăm sóc nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận cho Chị N được ly hôn với anh T.

[3] Con chung: Có một cháu tên Chế Ngọc M, sinh ngày 09/9/2008, khi ly hôn Chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, tại bản tự khai cháu M có nguyện vọng muốn ở với mẹ, anh T thì không có mặt để trình bày ý kiến về yêu cầu nuôi con của Chị N, do đó Hội đồng xét xử giao cháu M cho Chị N trực tiếp nuôi sẽ đảm bảo quyền lợi cho cháu. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do Chị N chưa có yêu cầu. Anh T có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

[4] Tài sản chung và nợ chung: Chị N trình bày không có, anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Án phí: Chị Phạm Thị Cẩm N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo qui định tại Điều 271 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Cẩm N.

Cho chị Phạm Thị Cẩm N được ly hôn với anh Chế Hữu T.

2. Con chung: Giao cháu Chế Ngọc M, sinh ngày 09/9/2008 cho chị Phạm Thị Cẩm N trực tiếp nuôi.

Anh Chế Hữu T có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định.

3. Án phí: Chị Phạm Thị Cẩm N phải chịu 300.000đ. (Bằng chữ: Ba trăm ngàn đồng) án phí sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000đ. (Bằng chữ: Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006200 ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, như vậy chị Phạm Thị Cẩm N đã thi hành xong phần án phí.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND Cai Lậy;
- CCTHADS Cai lậy;
- Các đương sự;
- UBND xã Hiệp Đức.
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hồng Phụng